

VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG LÀNG PHỤNG THƯỢNG (XÃ PHỤNG THƯỢNG, HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ TÂY)

BÙI HỒNG VẠN

Phụng Thượng là một làng xã cổ trong vùng xứ Đoài xưa, nay thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây. Nơi đây bảo lưu được nhiều nét văn hoá truyền thống tiêu biểu cho nông thôn đồng bằng Bắc bộ và có một số nét văn hoá khá độc đáo, hiếm thấy ở những nơi khác. Đồng thời, Phụng Thượng còn là một xã tiêu biểu trong xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội; có nhiều đóng góp cho các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng nông thôn mới hiện nay. Do có nhiều thành tích đóng góp xứng đáng về kinh tế Phụng Thượng được Nhà nước phong tặng danh hiệu *HTX nông nghiệp anh hùng* năm 1986.

Một làng xã như vậy rất đáng được chúng ta quan tâm nghiên cứu không chỉ về các hoạt động kinh tế, xã hội ... mà cả về lĩnh vực văn hoá. Vì văn hoá là một yếu tố có tầm quan trọng đặc biệt, nó vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội¹. Trong bài viết nhỏ này chúng tôi sẽ giới thiệu văn hoá làng Phụng Thượng trong giai đoạn trước cách mạng tháng Tám năm 1945.

I. VĂN HOÁ VẬT THỂ

Phụng Thượng nằm trên quốc lộ 32A (Hà Nội - Sơn Tây), cách thủ đô chừng 30 cây số. Tên gọi Phụng Thượng xuất hiện từ năm Minh Mệnh thứ 5 (1824)². Tên này mang ý nghĩa: Phụng - tôn kính, Thượng - người trên; Phụng Thượng là tôn kính người trên³. Hiện nay xã có tổng diện tích là 66 ha và có hơn 1 vạn dân sinh sống⁴.

Văn hoá vật thể ở Phụng Thượng có đình chùa, miếu, quán, bia, ký, thư tịch cổ, v.v. . . Nhưng trong bài viết chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu một số vật thể văn hoá chủ yếu.

1. Đình làng

Đình làng là nơi diễn ra những sinh hoạt cộng đồng: họp bàn công việc liên quan đến làng xã, nơi tổ chức lễ hội truyền thống, v.v... Cây đa, bến nước, sân đình ... những hình ảnh này ăn sâu vào tình cảm, tâm thức của bao người dân Việt Nam và cùng với những yếu tố khác tạo nên cấu trúc văn hoá của làng xã nước ta. Nghiên

¹ Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB CTQG, HN, 1996, tr. 110.

² *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân Phụng Thượng*, tập 1 (1930-954), Đảng uỷ xã Phụng Thượng, 1996, tr.8. Trước năm 1984, trong tiến trình lịch sử Phụng Thượng có những tên gọi khác nhau: Phấn Thượng, Tả Thượng, Cảo Thượng, Bún Thượng. . .

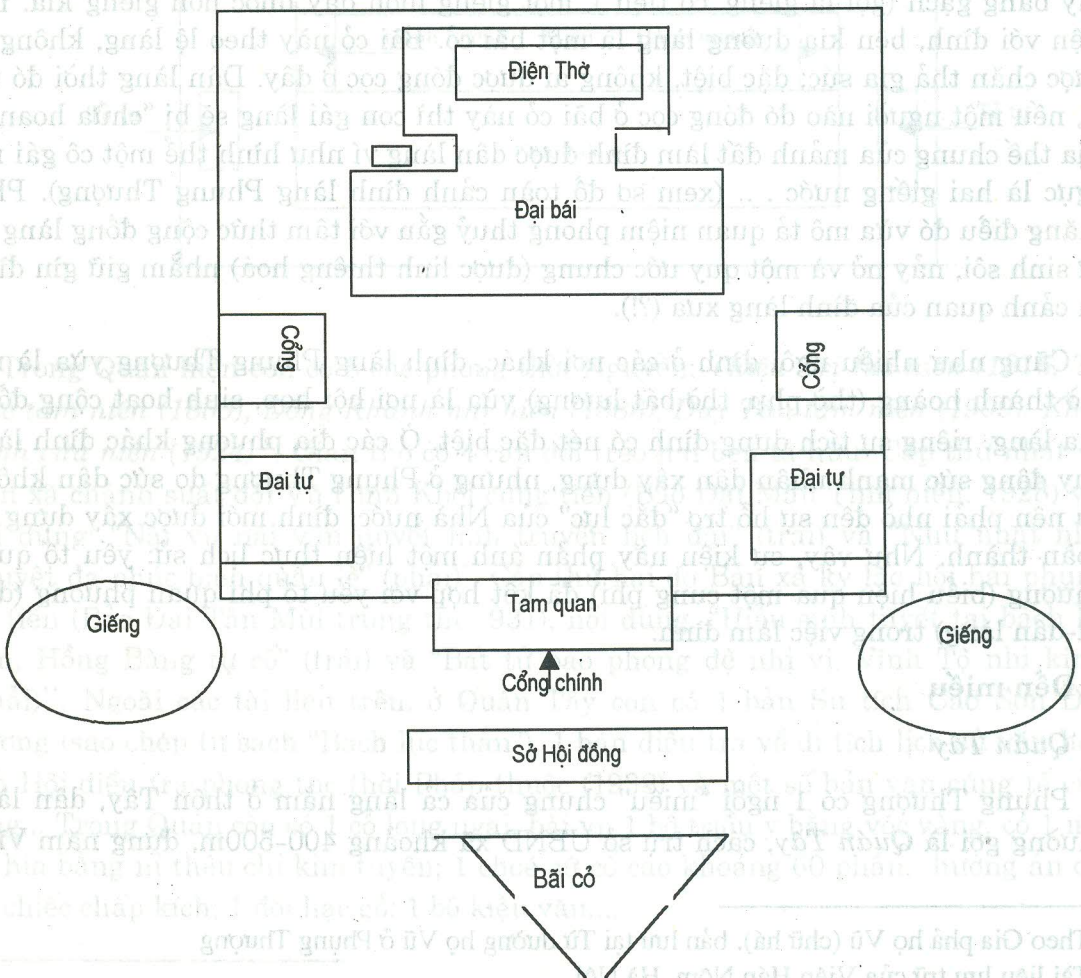
³ Giải thích của cụ Dương Thế Cẩn, người thôn Tây, xã Phụng Thượng. Tài liệu khảo sát thực địa của chúng tôi.

⁴ Tài liệu điều tra dân số và nhà ở năm 1999 của xã và của huyện Phúc Thọ

cứu về đình và những hoạt động liên quan đến đình sẽ giúp chúng ta những nhận thức về văn hoá, lịch sử của cộng đồng làng xã.

Theo “Khoản ước làm đình” cho biết, đình Phụng Thượng được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII. Bấy giờ Phụng Thượng là một làng xã nghèo, nên công việc chuẩn bị làm đình 3-4 năm mà vẫn thiếu “tài lực”. Dân làng bèn họp bàn và xin với bà cụ Trường giúp đỡ . . . Bà đã xin cho làng một sàn gỗ lim, đình mới được khởi công xây dựng và hoàn thành. Xung quanh chuyện này có giai thoại kể lại rằng, bà Trường muốn giúp làng xây đình; nhưng các cụ già trong làng không nghe . . . Bà bí mật cho người mang gỗ lim, tài vật “dựng xong” đình trong một đêm. Hôm sau trước “sự việc đã rồi”, làng đành chấp nhận. Từ đó dân làng hàm ơn công đức nên làm khoản ước, tôn bố mẹ bà làm Hậu thần, hàng năm mang lễ vật đến từ đường họ Vũ cúng tế⁵.

Sơ đồ toàn cảnh đình làng Phụng Thượng



⁵ Tư liệu khảo sát tại địa phương, do cụ Dương Thế Cảnh người làng Phụng Thượng cung cấp.

Theo chúng tôi, giai thoại trên phản ánh 2 điều: làng nghèo không đủ vật chất để làm đình nhưng đã vận động được một “Mạnh Thường Quân” giúp đỡ; song làng lại cảm thấy “áy náy” bởi người giúp lại là một cung phi có nguồn gốc “xướng ca”⁶ thuộc một dòng họ nhỏ trong làng. Vì thế, một vị nào đó đã sáng tác ra câu chuyện trên nhằm giữ thể diện cho làng . . . Đó là một nét khá đặc sắc trong văn hoá ứng xử của người Phụng Thượng xưa.

Đình Phụng Thượng bị phá năm 1947 do chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”, nên rất khó mô tả cụ thể về quy mô, kiến trúc và nghệ thuật của đình. Theo *Bản điều tra của Hội phong tục* (thời Pháp thuộc)⁷ và theo các cụ già địa phương kể lại, đình làng thuộc loại to⁸, kiến trúc giống nhiều ngôi đình khác trong vùng xứ Đoài xưa. Đình được làm theo kiểu “Nội công ngoại quốc”, có 5 cái nhà; ngôi trung đình đục trạm, các đầu rồng làm rất khéo, các câu đầu rồng nóc không thấy khắc chữ gì. Xung quanh xây tường, có ba cổng vào đình. Trước cổng chính có hai giếng to được xây bằng gạch (gọi là giếng ‘cô tiên”), một giếng luôn đầy nước hơn giếng kia. Đối diện với đình, bên kia đường làng là một bãi cỏ. Bãi cỏ này theo lệ làng, không ai được chăn thả gia súc; đặc biệt, không ai được đóng cọc ở đây. Dân làng thời đó tin là, nếu một người nào đó đóng cọc ở bãi cỏ này thì con gái làng sẽ bị “chửa hoang”. Địa thế chung của mảnh đất làm đình được dân làng ví như hình thể một cô gái mà ngực là hai giếng nước . . . (xem sơ đồ toàn cảnh đình làng Phụng Thượng). Phải chăng điều đó vừa mô tả quan niệm phong thủy gắn với tâm thức cộng đồng làng về sự sinh sôi, nảy nở và một quy ước chung (được linh thiêng hoá) nhằm giữ gìn đình và cảnh quan của đình làng xưa (?!).

Cũng như nhiều ngôi đình ở các nơi khác, đình làng Phụng Thượng vừa là nơi thờ thành hoàng (thờ phụ, thờ bát hương) vừa là nơi hội họp, sinh hoạt cộng đồng của làng. riêng sự tích dựng đình có nét đặc biệt. Ở các địa phương khác đình làng huy động sức mạnh nhân dân xây dựng, nhưng ở Phụng Thượng do sức dân không đủ nên phải nhờ đến sự hỗ trợ “đắc lực” của Nhà nước, đình mới được xây dựng và hoàn thành. Như vậy, sự kiện này phản ánh một hiện thực lịch sử: yếu tố quan phương (biểu hiện qua một cung phi) đã kết hợp với yếu tố phi quan phương (dân sự-dân làng) trong việc làm đình.

2. Đền miếu

Quán Tây

Phụng Thượng có 1 ngôi “miếu” chung của cả làng nằm ở thôn Tây, dân làng thường gọi là *Quán Tây*, cách trụ sở UBND xã khoảng 400-500m, dựng năm Vĩnh

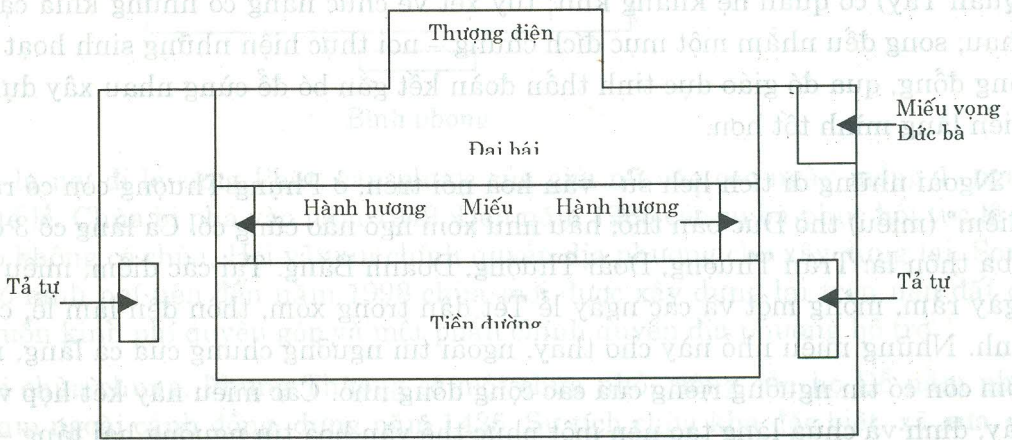
⁶ Theo Gia phả họ Vũ (chữ há). bản lưu tại Từ đường họ Vũ ở Phụng Thượng

⁷ Tài liệu lưu trữ của Viện Hán Nôm, Hà Nội

⁸ Giải thích của cụ Dương Thế Cảnh và một số cụ già ở Phụng Thượng. Tài liệu điều tra thực địa của chúng tôi. Trong sách “*Sơn Tây tỉnh địa chí*” của Phạm xuân Độ có một bản đồ về địa thế và danh tích trong tỉnh Sơn Tây, đình làng Phụng Thượng được thể hiện trong bản đồ cùng một số di tích khác, chứng tỏ đình thuộc loại to của vùng xứ Đoài xưa.

Tộ, Kỷ Mùi (1619). Quán được xây dựng ở chỗ đất cao, phía trước có ngũ gò, phía sau có tam gò theo quan niệm của thuật phong thủy. Quán có 5 cái nhà, hai bên tả vu và hữu vu làm bán mái đục trạm thường; câu đầu rồng nóc không khắc chữ gì. Đây là nơi thờ chính của thành hoàng làng Cao Sơn Đại Vương Nguyễn Tuấn (Thánh Tản Viên), một nhiên thân được thờ phụng ở rất nhiều nơi. Bên cạnh có miếu thờ vọng Đức bà, trong có tượng gỗ (tượng ngồi, sơn thiếp, cao khoảng 1 thước 2 ta).

Sơ đồ Quán Tây Phụng Thượng



Trong Quán hiện còn có 5 sắc phong thời Nguyễn: *Thiệu Trị lục niên (1816, Tự Đức tam niên (1850), Đồng Khánh nhị niên (1886), Duy Tân tam niên (1909), Khải Định cửu niên (1924)*⁹. Gian thờ có 4 câu đối treo hai bên tả hữu. Cặp thứ nhất do Bản xã chánh suất đội Vũ Đình Khôi cung tiến (Bảo Đại Mậu Thìn niên, 1928) với nội dung: “Nãi vụ nãi văn quyết linh truyền lịch đại” (trái) và “Như nhật như nguyệt đa phúc biến quần lê” (phải)*. Cặp thứ hai do Bản xã kỳ lão hội bái phụng uy tiến (Bảo Đại Tân Mùi trung thu, 931), nội dung: “Hiếu sinh tuyệt tại bách kỳ nan, Hồng Bàng tự cổ” (trái) và “Bất tử bao phong đệ nhị vị, Vĩnh Tộ nhi kim” (phải)**. Ngoài các tài liệu trên, ở Quán Tây còn có 1 bản Sự tích Cao Sơn Đại Vương (sao chép từ sách “Bách lục thần”), 1 bản điều tra về di tích lịch sử văn hoá của Hội điều tra phong tục thời Pháp thuộc (1938) và một số bản văn cúng tế của làng... Trong Quán còn có 1 cỗ long ngai, bài vị; 1 bộ triều y bằng vóc vàng; có 1 mũ và hia bằng nỉ thêu chỉ kim tuyến; 1 chố sứ cổ cao khoảng 60 phân, hương án cổ; 16 chiếc chấp kích; 1 đôi hạc gỗ; 1 bộ kiệu văn....

⁹ Theo *Bản điều tra của hội phong tục thời Pháp* (1938) trước kia có 7 đạo sắc phong, khi chúng tôi về khảo sát tại địa phương (1998) chỉ còn 5.

* Tam dịch là: Vừa vũ, vừa văn truyền mãi mãi - Như trời, như trăng phúc lộc khắp mọi người.

** Cuộc sống trải nhiều gian khổ, Hồng Bàng đã có - Nhà nước (đã) bao phong nhị vị (từ) Vĩnh Tộ đến nay.

Như chúng ta đã biết, thông thường thành hoàng được thờ ở nghệ, miếu. đây là nơi thờ phụng đầu tiên và là nơi ở chính của thần. Về sau khi có đình, thành hoàng được thờ cả ở đình (thờ phụ). Điều này ta cũng thấy Phụng Thượng giống các địa phương. Nhưng có một điểm khác căn bản, Quán là kiến trúc của Đạo giáo, nơi thờ Thái Thượng Lão Quân; nhưng ở Phụng Thượng Quán Tây lại là nơi thờ Thánh Tản Viên. Dân địa phương quan niệm thành Tản Viên cũng như Thái Thượng Lão Quân nên đã thờ phụng ở đây.

Hiện tượng văn hoá tín ngưỡng của làng Phụng Thượng cho thấy, đình và miếu (Quán Tây) có quan hệ khăng khít; tuy xét về chức năng có những khía cạnh khác nhau; song đều nhằm một mục đích chung – nơi thực hiện những sinh hoạt văn hoá cộng đồng, qua đó giáo dục tinh thần đoàn kết gắn bó để cùng nhau xây dựng, phát triển làng mình tốt hơn.

Ngoài những di tích lịch sử – văn hoá nói trên, ở Phụng Thượng còn có rất nhiều “điểm” (miếu) thờ Đức bản thổ; hầu như xóm ngõ nào cũng có. Cả làng có 3 điểm lớn ở ba thôn là: Trấn Thượng, Đoài Thượng, Doanh Bằng. Tại các điểm, miếu này vào ngày rằm, mồng một và các ngày lễ Tết dân trong xóm, thôn đến làm lễ, cầu phúc lành. Những miếu nhỏ này cho thấy, ngoài tín ngưỡng chung của cả làng, mỗi ngõ, xóm còn có tín ngưỡng riêng của các cộng đồng nhỏ. Các miếu này kết hợp với Quán Tây, đình và chùa làng tạo nên một phức thể văn hoá tín ngưỡng hai tầng – cả làng và xóm, ngõ, thôn. Cấu trúc trên không phải là đặc điểm riêng của Phụng Thượng mà là hiện tượng phổ biến của nông thôn Bắc bộ xưa – nay.

Ngoài đình, miếu của địa phương, ở Phụng Thượng còn có Đền cổ Tảo Thượng do Nhà nước phong kiến xây dựng vào cuối thế kỷ XVI¹⁰. Một lần nữa, cái quan phương xuất hiện ở địa phương với tư cách quan phương hoàn toàn.

3. Chùa làng và chùa họ.

Phụng Thượng có một ngôi chùa chung, nằm ở hướng Đông Bắc ngoài cánh đồng. Theo niên đại ghi trên chuông chùa, ngôi chùa này được làm vào cuối thế kỷ XIX¹¹. Chùa được 4 dòng họ đứng ra xây dựng là Dương, Trần, Cán, Đỗ. Về sau có thêm họ Nguyễn góp công của và đứng trùm, nên gọi là Chùa Nguyễn (hay chùa Nguyễn Linh). “Chùa có hai cái nhà, lói thường. Ngôi Tam Bảo làm kiểu chuôi vồ”¹².

¹⁰. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Thuận Hoá, 1997, tr. 239 cho biết: Vào đời Lê Trung Tông, quan quân đánh nhau với quân Mạc Mầu Hợp chỗ này, quân Mạc thua to, bèn đắp mỏ kinh nghệ rồi kéo quân về, sau đó lập miếu để ghi công cho các công thần phối hưởng...

¹¹. Trên chuông chùa có khắc niên đại dựng chùa vào năm Bính Thân (1836).

¹². Theo tài liệu của Hội phong tục... tài liệu đã dẫn.

Sơ đồ chùa làng Phụng Thượng

Nhà tổ

Thượng
điện

Đại bái

Bình phong

Chùa là nơi đi lễ cúng Phật, cầu phước của giới nữ vào các ngày mồng 1, ngày rằm và tế lễ. Chùa bị phá vào năm 1949. Đến năm 1985 các cụ bà phục hồi tục lệ đi chùa; do không có chùa, Hội nữ xin chính quyền địa phương cho xây dựng lại. Song không có kinh phí nên đến năm 1998 chùa mới được xây dựng lại trên nền đất cũ bằng nguồn kinh phí quyên góp và một phần chính quyền địa phương hỗ trợ.

Ngoài chùa chung, Phụng Thượng có một chùa nhỏ, riêng của họ Đỗ nằm phía Đông Nam ngoài cánh đồng, dựng năm 1425. Sự tích chùa khá đặc biệt: xã xưa, cụ tổ họ Đỗ là người có gia sản, một nhà nho nhưng mộ đạo Phật. Do con trai bị chết đuối cụ đã bỏ tiền của xây chùa để đưa người con xấu số vào đó. Chùa kiến trúc theo lối “Tiền đao hậu đốc” mái cong bằng gỗ. Bên trong có một số tượng Phật và hai câu đối: “Phật tổ lưu truyền thắng tích. Hồng trần vọng cách thủy Đông Nam” và “Toàn gia Đỗ tộc phục chế tự. Phật tử thập phương khởi đồng tâm”. Khi mới dựng ngôi chùa nay được gọi là *chùa Nứa*, về sau đổi thành *chùa Giang*. Tên gọi của chùa gắn với đặc điểm địa lý tự nhiên xưa ở đây. Các cụ họ Đỗ cho biết: dân làng Phụng Thượng xưa có nguồn gốc từ vùng bán sơn địa (Thạch Thất, Quốc Oai-hai huyện của tỉnh Hà Tây) xuống đây lập làng. Bấy giờ vùng này nhiều cây cối rậm rạp, hoang vu; nơi dựng chùa có nhiều nứa, giang nên gọi là *chùa Nứa*. Chùa còn có tên chữ là *Đỗ Linh Từ*. Dòng họ Đỗ hàng năm ra chùa cúng tế vào ngày 15/1 âm lịch. Trước cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp, cán bộ, du kích thường ẩn nấp ở đây để hoạt động. Hiện chùa vẫn còn và được tu bổ thêm.

Như trên đã trình bày, ở một địa phương có hai chùa là nét rất riêng của Phụng Thượng, hiếm thấy ở những nơi khác. Chùa là tín ngưỡng của Phật giáo; nhưng ở hai chùa của Phụng Thượng, ngoài thờ Phật người ta còn thờ cả những nhân vật không phải của Đạo Phật; riêng chùa họ Đỗ không chỉ thờ Phật, người ta còn thờ cả người có công dựng chùa và con của người ấy nữa. . . Như vậy, tín ngưỡng có cái chung và cái riêng tồn tại ở làng quê này.

* Tam dịch: Phật tổ lưu truyền thắng tích- Bụi hồng theo nước chảy Đông Nam.
Chùa của họ Đỗ xây dựng - Phật tử các nơi hướng về.

II. VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ

1. Phong tục tập quán

**Không xuất giá ngoại hương*

Đây là một nét khá độc đáo của văn hoá cư dân Phụng Thượng. Nguồn gốc tục lệ này được ông Phạm Xuân Độ giải thích: Câu chuyện không nên lấy con gái làng Tảo Thượng được cất nghĩa hai cách khác nhau. Có người cho rằng thời trước, một số thiếu nữ làng không được đoan chính. Nhưng theo lời dân quê thì đây là lời cảnh báo, không nên lấy vợ Phụng Thượng; vì tục làng tin là con gái lấy chồng ngoại hương thì sẽ không có con . . .

Tục truyền cuối đời Lê Trung Hưng, nhà vua muốn kỷ công trận thắng nhà Mạc ở Phấn Thượng, nên mỗi năm lại ngự giá về làng. Một buổi chiều, nhà vua nhìn thấy một thiếu nữ vừa cắt cỏ vừa ca hát:

Tay cầm bán nguyệt xêng xang

Trăm nghìn cây cỏ lai hàng tay ta.

Vua thấy thiếu nữ nhan sắc xinh tươi, giọng hát véo von, câu thơ đậm đà ý vị, liền ban hỏi và xách nẹp vào cung. Thiếu nữ được vua sủng ái, giữ trong nội điện, nên ít được về thăm quê hương. Có lần được phép ra về, đến nửa đường lại có lệnh tức tốc hồi cung. Trong khi tưởng nhớ đến song thân, lòng đau như cắt, bà cung phi ngửa mặt lên trời mà nguyện rằng: “Từ đây, con gái Tảo Thượng đừng ai xuất giá ngoại hương nữa!”. Vì vậy con gái làng ít khi lấy chồng xứ khác, tin rằng như thế sẽ không có con và suốt đời vất vả¹³.

Trong giai thoại trên, có những chi tiết phản ánh một mô típ chung về các cô gái đẹp được tuyển nạp về cung. Chẳng hạn hai câu: “Tay cầm bán nguyệt xêng xang. Trăm nghìn cây cỏ lai hàng tay ta” ta còn thấy ở cả vùng Bắc Ninh¹⁴. Nhưng trong giai thoại về bà cung phi họ Vũ thì lời nguyện “không xuất giá ngoại hương” của bà đã cổ súy và củng cố cho một tâm lý khá phổ biến trong xã hội Việt Nam truyền thống, nâng nó lên thành một phong tục, tập quán ở một địa phương cụ thể.

Trong nông thôn truyền thống, quan niệm hôn nhân “lấy chồng làng” được khuyến khích và được nhiều người chấp nhận. Những câu: “ta về ta tắm ao ta; dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”; “Có con mà gả chồng gần; có bát canh cần nó cũng đem cho. Có con mà gả chồng xa; trước là mất giỗ sau là mất con”. “Lấy chồng khó giữa làng hơn lấy chồng sang thiên hạ”; “Ruộng giữa đồng, chồng giữa làng” v.v. . . phản ánh rõ điều đó. Thậm chí trong nhiều lệ làng, hương ước còn quy định nếu lấy chồng làng thì số gạch nộp “cheo” cho làng ít hơn lấy chồng thiên hạ. Như vậy, tâm lý truyền thống đã chi phối khá nhiều đến vấn đề hôn nhân. Đến lượt nó quan hệ hôn nhân theo hướng “nội hôn” lại làm cho các mối quan hệ trong một làng rất phức

¹³ Phạm Xuân Độ — Sơn Tây tỉnh địa chí. 1941, tr.48-49.

¹⁴ Trong giai thoại về bà Chúa Chè gặp gỡ nhà vua rồi được tuyển lựa vào cung cũng có hai câu này.

tạp. Quan hệ của các thành viên làng chằng chéo, dằng dịt bởi tình trạng “Phi nội, tặc ngoại” chi phối. Đúng như bài đồng dao dưới đây phản ánh:

Tu Hú là chú Bồ Cúc

Bồ Cúc là bác chim Ri

Chim Ri là dì Sáo Sâu

Sáo sâu là cậu Sáo Đen

Sáo Đen là em Tu Hú

Tu Hú là chú Bồ Cúc . .

Tuy nhiên trong nông thôn truyền thống không chỉ tồn tại quan hệ huyết thống mà còn cả quan hệ địa vực, trong đó quan hệ địa vực đóng vai trò chủ đạo. Hai mối quan hệ này không tồn tại riêng rẽ mà chúng kết hợp, hoà quyện với nhau tạo nên bản sắc riêng trong đời sống xã hội nông thôn nước ta.

Từ sau cách mạng tháng Tám, tục này không còn tồn tại, nhưng trong tâm thức một số người làng Phụng Thượng tục lệ vẫn ít nhiều ám ảnh và chi phối hôn nhân của họ. Cái quá khứ vẫn “đề nặng lên vai những người đang sống”, nhất là với những người học vấn thấp và không đi ra ngoài xã hội.

**Tục mừng thọ*

Nhiều nơi trên đất nước ta có tục Lên lão và mừng thọ. Thậm chí trong thiết chế chính trị – xã hội, có nơi rất trọng ‘xì’ (Thiên tước)¹⁵. Đây là một tàn dư của chế độ lão quyền (“Quyền Trưởng lão”) trong xã hội truyền thống. Tuy có khía cạnh hạn chế, nhưng xét về mặt ứng xử xã hội, tục lệ này rất đáng trân trọng. Nó là một nét văn hoá đẹp tạo nên cuộc sống hài hoà giữa các thế hệ, một nếp sống nhân bản, một thuần phong mỹ tục cần phát huy.

Theo các tài liệu cho biết, “Kỳ Lão hội” (hội người già) ở Phụng Thượng được lập vào năm 1915. Theo quy định của Hội, nam giới bắt đầu từ 50 tuổi được gia nhập Hội và chia làm ba hạng theo tuổi tác. Từ 80 trở lên là thượng thọ; 70 là trung thọ; 50, 60 tuổi là sơ thọ.

Hàng năm từ 25/11-2/12 âm lịch ở địa phương lại tổ chức lên lão mừng thọ. Lễ lên lão được tổ chức tại Quán Tây trong hai ngày mồng 1 và 2/12. Vào buổi chiều mồng 1, gia đình rước các cụ có tuổi thọ 80, 90 ra Quán làm lễ. Sáng mồng 2/12 làm lễ chung cho tất cả những người đăng thọ. Khi tiến hành nghi thức lễ làng có Ban lão phối hợp với các chức sắc của làng đứng ra lo liệu. Vị trí ngồi được chia theo thứ bậc tuổi tác: 80, 90 tuổi trở lên ngồi gian bên phải; 70 bên trái; phía ngoài gian tiền tế, bên trái dành cho những ông 60, gian phải là các ông 50 và con cháu, v.v .

Tại gia đình ngay từ 25/11 người ta dựng rạp, kê bàn ghế, giết lợn mổ gà, làm cỗ khao thọ. . . Trong những ngày này, cả làng trong không khí nhộn nhịp. Các gia

¹⁵ Theo *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, tập II. NXB KHXH, HN, 1978, tr.30 cho biết: ở làng Yên Sở các cụ được xếp vào hạng cao nhất. Thêm đình làng được chia thành 11 bậc thì các cụ lão thượng từ 70 trở lên được ngồi ở bậc đầu tiên.

đình có người lên lão được người thân trong gia đình hai bên nội, ngoại, bạn bè, làng xóm đến thăm hỏi, mừng thọ... Dân làng Phụng Thượng coi những ngày dâng thọ vui như Tết, thậm chí một số người còn cho rằng dịp mừng thọ vui hơn cả Tết Nguyên đán.

Theo tục lệ cũ, trước đây dâng thọ chỉ tổ chức cho nam giới. Những năm gần đây do tác động của nếp sống mới, chính quyền địa phương vận động Lão hội tổ chức dâng thọ cho cả nữ giới; nhưng các cụ chỉ chấp nhận nữ giới tổ chức tại nhà, không ra Quán Tây làm lễ.

2. Ma chay- Hôn nhân

*Ma chay

Ma chay ở Phụng Thượng trước cách mạng theo tục lệ cũ, nhiều phiền phức và tốn kém. Vì thế những gia đình nghèo không có tiền làm ma chỉ chôn cất sơ sài, thậm chí phải chôn giấu, chôn đêm. Dân làng còn truyền tụng những câu nói lên nỗi khổ tâm của những người này:

Có lợn, có gạo thì có trống, có chiêng.

Không lợn, không gạo thì người kiêng khó tìm.

Khi có người chết, người nhà mang một buồng cau đến trưởng họ trình bày và cậy nhờ họ đứng ra lo giúp. Người giàu ngoài nhờ họ còn nhờ cả làng, xóm; mổ trâu bò, lợn làm ma. Có nhà tổ chức tang ma trong 3 ngày, 3 đêm, ăn uống linh đình. Sau đó phải cúng cơm 100 ngày nữa cho người chết. Trong quá trình tổ chức tang ma, người ta thực hiện các nghi lễ; lễ nhập quan (tắm rửa, khâm liệm cho người chết); lễ thành phục (họ hàng, làng mạc đến làm lễ); lễ báo hiếu (con cháu khóc ban đêm); lễ mai táng (tiễn đưa và chôn cất); sau mai táng dân làng đến tưởng niệm lần cuối cùng; sau 3 ngày con cháu làm lễ bế mộ (cúng cho vong hồn người chết nhập mộ). Nhà có tang, sau 3 năm con trai, con gái mới được dựng vợ gả chồng.

Khi đi chôn, con trai mặc áo xô trắng, chống gậy; con gái mặc áo xô lẫn đường; con cháu thân nhân người chết thì bít khăn trắng, vàng đi đưa. Người ta còn thuê thợ kèn phục vụ tang lễ...

Từ sau Cách mạng tháng Tám, Phụng Thượng thực hiện nếp sống mới bỏ những thủ tục rườm rà, không thiết thực trong tang ma như chống gậy, lẫn đường và tổ chức ăn uống linh đình, tốn kém. v.v ...

*Hôn nhân

Trước cách mạng việc hôn nhân ở Phụng Thượng cũng như các nơi khác do cha mẹ lo liệu. Trai gái hầu như không được gặp nhau tìm hiểu. Một số gia đình giàu thường kén vợ, gả chồng cho con theo kiểu môn đăng- hộ đối.

Trong cưới xin thường tổ chức ăn uống linh đình. Lệ thách cưới nặng nề gồm: tiền cọc, gạo (tẻ, nếp), rượu, lễ gà . . . Tại Phụng Thượng có người lấy vợ phải mang 12 cái lễ đến nhà gái. Mỗi lễ gồm 1 con gà 1,5 cân trở lên, 2 cân gạo nếp, nửa lít

rượu, 3 quả cau, 3 lá trầu. Ngoài ra còn lễ lợn, gạo Cứ 70 cân lợn thì có 70 cân gạo đi kèm Tiên cọc do nhà gái thách, độ 50 đồng trở lên (tiền bấy giờ). Con gái đi lấy chồng thiên hạ phải nộp 300 viên gạch, lấy chồng làng nộp 60 viên để lát đường làng.

Do tục cưới hỏi nặng nề, tốn kém nên nhiều trai làng nhà nghèo không lấy được vợ. Một số người phải chịu thân phận đi ở rể, bị bóc lột mới có vợ. Tình cảnh đi ở rể của họ thật đáng thương:

Giả ơn cái cối, cái chày

Nửa đêm gà gáy có mày với tao

Giả ơn cái cọc bờ ao

Nửa đêm gà gáy có tao với mày.

Khi đám hỏi người ta dùng bánh chay, bánh dầy, bún, bánh cuốn, trầu cau ... Ngày cưới chú rể mặc áo the, cô dâu mặc áo tứ thân. Khi đi rước dâu, nhà gái phải chăng dây đóng cổng, khi rể vào đón dâu phải nộp tiền mới được vào. Khi cô dâu về nhà chồng, vợ chồng phải làm lễ tơ hồng. Lúc làm lễ người ta bày 1 con gà, 1 ván xôi ở ngoài sân và trái chiếu, chồng ngồi chiếu trên, vợ ngồi chiếu dưới. Một ông được cử hành lễ đọc văn tơ hồng để hai vợ chồng hành lễ. Sau ngày cưới phải có lễ lại mặt, sau đó người con gái mới được về ở hẳn bên nhà chồng.

Hiện tượng tảo hôn không hiếm ở Phụng Thượng. Rất nhiều đôi lấy nhau từ 8-9 tuổi (50-70 đôi) do cha mẹ sắp đặt. Do hôn nhân ở độ tuổi còn quá trẻ, lại không có tình yêu nên về sau có rất nhiều cặp bỏ nhau ...

3. Hội làng

Hội làng là lễ hội chính - một kết cấu văn hoá quan trọng của làng xã Việt Nam. Hội làng kết hợp với những yếu tố khác như: ruộng công, đình làng, luỹ tre, v.v... làm nên sự tồn tại lâu dài của làng xã nước ta. Mục đích chính của hội làng là *thờ thần và mua vui*. Thông qua hội làng và tín ngưỡng thành hoàng "cái tinh thần cộng đồng được khơi ra, xiết lại..." là sự biểu hiện đầy đủ nhất, nổi bật nhất, tập trung nhất ý thức tâm lý cộng đồng làng xã". Vì thế, nghiên cứu về hội làng và tín ngưỡng thành hoàng sẽ cho thấy rõ nét bản sắc trong văn hoá của cộng đồng đó.

Ngày lễ thần là nghi lễ quan trọng nhất, lớn nhất và là một ngày hội lớn của cộng đồng Phụng Thượng. Các nghi lễ trong ngày hội gắn với tín ngưỡng nông nghiệp, thờ thành hoàng làng. Vào dịp này, dân làng tiến hành rước long ngai Ngài từ Quán Tây về đình để tiến hành các sinh hoạt cộng đồng - tế lễ, vui chơi.

Mồng 1-2, ngày đầu tiên của Hội, làng tổ chức lễ rước nước. Theo lệ làng, không ai được gánh nước trước 1 tháng. Giếng của đình làng là nơi tổ chức lễ rước nước. Trong giếng có 1 thuyền lớn và thuyền nhỏ. Một thuyền lớn để chèo đặng nước, trên có cụ mặc áo thụng thắt đai đỏ cầm gáo đồng, hai bên có hai người chèo. Trên bờ đánh trống, hai thuyền nhỏ bơi vòng quanh. Cụ từ đi vài vòng múc nước (mỗi năm múc ở một giếng), trống đánh đến khi cụ từ múc đầy nước vào chèo thì thôi.

Chiều mồng 5/2 làng làm lễ *chúc yết*, buổi tối làm lễ *mộc dục*. Khi làm lễ *mộc dục*, la cụ già của làng và cụ từ dùng vải lụa mới tắm cho long ngai, lau bài vị bằng nước quế, nước hồi. . . Sau đó làm lễ *yên vị*, lúc đó có bánh trôi mang ra thì dân làng mới được ăn.

Đến ngày chính tiệc (mồng 6/2) làng tế đài đẳng. Những người tham gia hành lễ gồm: 1 ông tiểu cổ (đánh trống con), 1 ông chủ tế, 1 bồi tế và 2 ông thông xướng (1 ông Đông xướng, 1 ông Tây xướng), thêm 1 ông đọc chúc, 1 ông tả văn, ông thương hương (châm hương), 3 ông đi đẳng (nến), 3 đi đài (rượu). Khi tế ông chính tế ở chiếu trên; bồi tế ở chiếu dưới. Đến tuần tế thì ông tiểu cổ đứng cạnh ban thờ. Hai ông Đông, Tây tế đứng 2 bên, còn mỗi bên có 1 đẳng (bàn), 3 đài chai rượu, 1 nến, 1 nậm rượu. Cả ngày thực hiện 5 lần tế.

Ngoài tế đài đẳng, trong ngày hội còn có *Tế quân hiến*, *Tế thập báii*, *Tế đóng cấn* (chiều 7/20 và nhiều loại lễ khác. Trong quá trình tế lễ, mọi hoạt động phải ăn khớp, nếu ai làm sai sẽ bị làng phạt. . .

Hội và Lễ trong quan niệm truyền thống là hai yếu tố không tách rời nhau, trong hội có lễ và trong lễ có hội; nhưng hiện nay người ta có xu hướng muốn tách rời hai yếu tố này. Một sự tách rời như thế thực ra không có cơ sở, nên xem xét lại trong việc tổ chức lễ hội hiện nay.

ĐÔI LỜI NHẬN XÉT

Điểm qua mấy nét về văn hoá làng Phụng Thượng trước cách mạng cho chúng ta thấy, văn hoá ở đây có những nét tiêu biểu cho nhiều làng quê Việt Nam. Tuy nhiên trong các yếu tố văn hoá có một số hiện tượng mang sắc thái riêng, độc đáo. Chẳng hạn như trong việc xây dựng đình; ngoài chùa chung còn có chùa riêng của gia đình và tộc họ; đền miếu khá nhiều và phong phú, có cái chung của cả cộng đồng lớn, có cái riêng của cộng đồng nhỏ; tục không lấy chồng thiên hạ, v.v... Các hiện tượng này phản ánh những nét riêng được hình thành trong quá trình lịch sử của làng Phụng Thượng. Đó là cái đa dạng, độc đáo của Phụng Thượng và cũng là của nhiều làng xã khác trên đất nước ta.

Ngày nay, để phát triển một nền văn hoá mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc từ khai thác những giá trị văn hoá truyền thống, trên cơ sở loại bỏ những hiện tượng văn hoá cũ, lạc hậu đã không còn phù hợp là điều chúng ta đã và đang làm. Trên phương diện đó, việc nghiên cứu cụ thể, kỹ càng văn hoá các địa phương, vùng miền (mà Phụng Thượng là một trường hợp cụ thể) sẽ có ý nghĩa thiết thực đáp ứng cho mục tiêu trên.